

Bản án số: 177/2017/HSST
Ngày: 23/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Q Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Đặng Hữu Thiên.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị T Thúy - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Bá Tuấn.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế), xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 149/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Dương Thị Thu T; giới tính: Nữ; Sinh ngày 07 tháng 6 năm 1994; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: T, kv 2, phường HS, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá: 9/12; Con ông Dương Văn Phú và bà Võ Thị Xuân P; có chồng: Trương Phước N và 02 con; tiền sự: không; tiền án: không; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/5/2017. Có mặt.

Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Mỹ T; sinh năm 1974; địa chỉ: Số 03 LH, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Tất L; sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 17, Trường Đá, phường T Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1992; địa chỉ: 12 N, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Trương Phước N; sinh năm 1993; địa chỉ: T, kv 2, phường HS, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Bà Lê Nguyễn Mai P; sinh năm 1972; địa chỉ: 38 V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Đình D; sinh năm 1965; địa chỉ: 10 T, phường TT, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Dương Thị Thu T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/3/2017, Dương Thị Thu T điều khiển xe mô tô, hiệu Attila màu trắng, biển kiểm soát 75K5-0784 (xe T mượn của mẹ chồng là bà Lê Nguyễn Mai P) chở theo 02 con nhỏ đến quán bún của bà Nguyễn Thị Thảo để mua bún mang về. Đang dừng xe ở quán, T nghe tiếng chuông điện thoại reo, quan sát thì thấy có một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus đang để ở học phía trước bên trái đầu xe mô tô, hiệu Vespa, biển kiểm soát 75B1-302.02 là xe của chị Nguyễn Thị Mỹ T đang dựng sát vỉa hè, gần xe T. Lúc này, T nhìn xung quanh thấy không có ai chú ý, liền lợi dụng sự sơ hở, dùng tay lên lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động trên, bỏ vào túi, rồi điều khiển xe mình chạy về nhà. Chị T ăn bún xong, phát hiện mất điện thoại liền nghi ngờ người phụ nữ là T lấy trộm nên làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T thấy chiếc điện thoại mình vừa chiếm đoạt hiện lên dòng chữ “máy bị mất, xin liên hệ số điện thoại 0994083306”. Sợ bị phát hiện, T chủ động điện thoại cho chị T, nói dối là mình nhặt được chiếc điện thoại rồi đề nghị cho chuộc lại. Chị T đồng ý và hứa sẽ cho T 1.500.000 đồng để bồi dưỡng.

Chiều tối cùng ngày, chồng của T là anh Trương Phước N đi làm về thì T cho biết vừa nhặt được chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus vào lúc sáng, sau đó có một chị tên T liên hệ xin chuộc lại với số tiền 1.500.000 đồng. Lúc này, tại nhà anh N có các anh Nguyễn Tất T và Nguyễn Văn Q đến chơi. T và anh N nói cho những người này biết việc T nhặt được chiếc điện thoại, đồng thời anh N đưa số điện thoại của chị T cho anh T liên hệ để cho chuộc lại máy. Sau khi liên hệ, chị T xin nhận lại máy điện thoại trên và hứa sẽ bồi dưỡng số tiền 3.000.000 đồng. Ngay sau đó, các anh N, T và Q cùng nhau đi đến địa điểm hẹn gặp chị T, tại chân đường sắt đầu cầu Bạch Hổ vào đường Kim Long. Tại đây, trong lúc anh T đang đưa máy điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus cho chị T và nhận số tiền 3.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an đến yêu cầu về trụ sở làm việc.

Vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Attila màu trắng, biển kiểm soát 75K5-0784.
- 01 (một) giấy Đăng ký mô tô, xe máy số 0048197; tên chủ xe Trần Thị Ny; biển số đăng ký 75K5-0784.
- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 132/KL-HĐĐG ngày 04/04/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế, xác định giá trị chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, số Imei: 35329107235580 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự : Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ T chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus và số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô, hiệu Attila màu trắng, biển kiểm soát 75K5-0784, quá trình điều tra xác định xe này là của bà Lê Nguyễn Mai P, mua lại để sử dụng từ năm 2016 tại cửa hàng xe máy D Ngọc, nhưng chưa làm thủ tục để chuyển tên chủ xe trong Giấy đăng ký xe sang tên bà P. Bà P cho T mượn để đi lại và không biết việc T đã sử dụng xe này để gây án, nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà P.

Tại bản Cáo trạng số 165/QĐ/KSĐT ngày 26/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố bị cáo Dương Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; đề nghị: Xử phạt bị cáo Dương Thị Thu T từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; không xem xét về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Dương Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/3/2017, tại khu vực trước nhà số 144 đường Nguyễn Trãi, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Dương Thị Thu T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Mỹ T một chiếc điện thoại di động, hiệu Iphone 6S Plus, có giá trị 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Do đó bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, nhưng xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, là phụ nữ đã lập gia đình, lẽ ra phải gương mẫu để bảo vệ và xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng do thiếu suy nghĩ mà đã vi phạm pháp luật, chiếm đoạt

tài sản của người khác. Bản thân bị cáo từng bị xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về có hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không rút bài học kinh nghiệm cho bản thân. Do đó cần có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục, đồng thời răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; hoàn cảnh gia đình của bị cáo đang gặp khó khăn, sức khỏe của chồng không ổn định, lại nuôi hai con nhỏ dưới bốn tuổi; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự; không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục cũng đủ tác dụng để giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Mỹ T đã nhận lại tiền và tài sản, không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Attila màu trắng, biển kiểm soát 75K5-0784; 01 (một) giấy Đăng ký mô tô, xe máy số 0048197; tên chủ xe Trần Thị Ny; biển số đăng ký 75K5-0784; số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Thu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Thị Thu T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Dương Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Dương Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CQĐT Công an thành phố Huế;
- CQTHAHS thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- TTG Công an thành phố Huế;
- Sở Tư pháp Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Q Vân